

Một số tư liệu xung quanh bài thơ “Giai nhân bất thị đào tiên đường...”

Hà Thị Tuệ Thành
Khoa Ngôn ngữ học, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn
Đại học Quốc gia Hà Nội

Hội nghị Quốc tế về chữ Nôm
Huế 2006

Tóm tắt

Bài báo trình bày một số tư liệu xung quanh bài thơ “Giai nhân bất thị đào Tiên Đường...”, một bài thơ không có đề mục, thường được in đầu các bản Truyện Kiều Nôm cổ. Trong các tư liệu được trình bày, bài báo chủ yếu tập trung phân tích một tư liệu mới liên quan đến bài thơ này: bản *Lập Trai Phạm tiên sinh thi tập*, kí hiệu A-400, thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm. Cùng với tư liệu A-2140 (*Lập Trai tiên sinh di thi tục tập*) nhà nghiên cứu Vũ Thế Khôi đã phát hiện, bản A-400 sẽ góp thêm những cứ liệu cho phép xác định tên gọi và xuất xứ của bài thơ, qua đó cung cấp thêm một bằng chứng ủng hộ giả thuyết: *Truyện Kiều* được sáng tác trước khi Nguyễn Du đi sứ Trung Quốc về.

Trong đa số các bản Kiều Nôm cổ, phần mở đầu thường có một bài thơ bắt đầu bằng câu: “Giai nhân bất thị đào Tiên Đường”. Bài thơ không được ghi rõ đề mục nên cho tới nay, xung quanh bài thơ, chúng tôi thấy nổi lên một số vấn đề như:

- Tên gọi của bài thơ vốn là thế nào?
- Hoàn cảnh sáng tác của bài thơ và ý nghĩa của bài thơ đối với vấn đề xác định thời điểm sáng tác Truyện Kiều.

Dưới đây chúng tôi xin trình bày ngắn gọn một số tư liệu mà chúng tôi có được về các vấn đề này.

1. Về tên gọi của bài thơ

1.1. Như đã giới thiệu ở trên, các văn bản Truyện Kiều cổ thường không ghi rõ đề mục của bài thơ “Giai nhân bất thị đào Tiên Đường ...” :

- Bản Duy Minh Thi/1872 chỉ ghi *Hoa Đường Phạm tiên sinh soạn* rồi sau đó khắc bài thơ.
- Bốn bản: Liễu Văn Đường/1866, 1871, Quan Văn Đường/1879, Thịnh Mĩ Đường/1879 thì ghi hai chữ *Thi vân* rồi khắc bài thơ; cuối bài thơ mới đến dòng *Lương Đường Phạm tiên sinh soạn*.
- Bản Abel des Michels/1884 thì có hai nét đặc biệt là: a) ở bản Nôm có ghi *Thi vân* như các bản miền Bắc nhưng để hai chữ *Hoa Đường* như ở bản Duy Minh Thi/1872; b) ở bản Pháp văn thì giới thiệu đây là *Bài tựa bằng thơ chữ Hán của giáo sư Hoa Đàng Phàm (Préface en vers Chinois du professeur Hoa Đàng Phàm)* [1]

- Bản Nọa Phu/1870 không dùng *Thi vân* như các bản miền Bắc nhưng cuối bài thơ ghi một dòng dài hơn bình thường: *Lê triều tiến sĩ Lương Đường Phạm Lập Trai đề*.
- Đến bản Kiều Oánh Mậu/1902 thì thay *Thi vân* bằng hai chữ *Đề từ* và ở cuối bài cũng ghi một dòng không giống đa số các bản khác: *Hoa Đường Lập Trai Phạm Quý Thích đề*.

Từ thực tế trên, nhất là từ ảnh hưởng của bản Kiều Oánh Mậu, dần dần hai chữ *Đề từ* được một số người coi như là cái tên mà tác giả đặt ra cho bài thơ.

1.2. Nhưng rồi giới nghiên cứu bắt đầu nghi ngờ cái “tên”: “Đề Từ” và cố gắng đi tìm tên thật của bài thơ.

Năm 1998, trong bài báo *Không có “bản Phương” với nghĩa là bản Truyện Kiều do Phạm Quý Thích đưa in* đăng trên tạp chí *Văn học* số 1 và tạp chí *Sông Hương* số 1 và sau này được tập hợp lại trong các cuốn *Văn bản Truyện Kiều, Nghiên cứu và thảo luận* (năm 2001, 2003); *Nghiên cứu văn bản Truyện Kiều–bản Liễu Văn Đường 1871* (2006), PGS.TS. Đào Thái Tôn đã cung cấp một thông tin quan trọng. Đó là việc nhà nghiên cứu Vũ Thế Khôi đã phát hiện trong cuốn *Lập trai tiên sinh di thi tục tập* kí hiệu A.2140, bài thơ “Giai nhân bắt thị đảo Tiên Đường...” với tiêu đề là ***Thính đoạn trường tân thanh hữu cảm*** [2].

1.3. Tuy nhiên chúng tôi vẫn đang còn một chút băn khoăn vì theo *Di sản Hán Nôm Việt Nam – Thư mục đề yếu* (sau đây gọi tắt là *Thư mục đề yếu*) thì cuốn A-2140 chỉ là một cuốn do “học trò của Nguyễn Văn Siêu sưu tầm, Nguyễn Văn Siêu viết bài chí” [3] mà Nguyễn Văn Siêu thì chỉ là một người học trò của Phạm Quý Thích, mất sau Phạm Quý Thích khoảng gần 50 năm. Khoảng thời gian gần 1/2 thế kỉ đó và việc sao đi chép lại có còn bảo đảm được tính chân xác 100% của cái tên đang tìm không?

Do vậy, trong thời gian qua, chúng tôi đã vào thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm rà soát lại tất cả các tác phẩm của Phạm Quý Thích. Và may mắn sao, ngoài bản kí hiệu A-2140 nhà nghiên cứu Vũ Thế Khôi đã phát hiện, chúng tôi còn tìm được bài thơ *Thính đoạn trường tân thanh hữu cảm* trong một bản nữa, bản *Lập trai Phạm Tiên sinh thi tập*, kí hiệu A-400. Bản này được *Thư mục đề yếu* giới thiệu là “Phạm Lập Trai soạn. Ngô Duy Viên sơ duyệt. Bùi Tồn Am phủ chính (biên tập)” [4]. Cả ba vị họ Phạm, họ Ngô, họ Bùi đều là những bậc đại khoa cuối triều Lê. Phạm Quý Thích (1759-1825) và Bùi Tồn Am (1744-1818) lại là hai danh sĩ đồng thời, đều nổi tiếng về văn học. Vậy rõ ràng bản A-400 là một bản được biên soạn ngay khi tác giả còn sống.

Chuyện cái tên của bài thơ đến nay có thể nói là không còn gì để nghi ngờ nữa. Còn hai chữ *Đề từ*, theo chúng tôi, có thể tạm giải thích lai lịch như sau: về mặt ngôn ngữ, từ động từ *soạn* chuyển sang động từ *đề* và chuyển sang nghĩa *tựa*. Rồi từ động từ *đề* đẻ ra danh từ *Đề từ*, đó là chuyện có thể hiểu được. Còn về mặt tâm lí đối với người mua sách thì hai chữ *đề từ* có phần oai hơn hai chữ *thi vân* (thơ rằng). Về tâm lí những người buôn sách, PGS.TS. Đào Thái Tôn đã phân tích, chúng tôi tự thấy không có gì phải bàn thêm [5].

2. Về hoàn cảnh sáng tác bài thơ *Thính đoạn trường tân thanh hữu cảm* và ý nghĩa của bài thơ đối với vấn đề xác định thời điểm sáng tác Truyện Kiều:

2.1. Trong bài trả lời phỏng vấn nhà báo Thụy Khuê về vấn đề nghiên cứu Kiều của cố học giả Hoàng Xuân Hãn, có đoạn Cụ nhắc tới một tập thơ của Phạm Quý Thích trong đó có bài “Giai nhân bất thị đáo Tiên Đường..”: “Cụ Phạm Quý Thích, người đề thơ đầu tiên về Kiều, còn để lại nhiều tập thơ. Có một tập cụ kể chuyện đi từ Bắc và Huế, vì vua Gia Long mời cụ ra làm quan. Lần đầu vào Huế, cụ làm thơ vịnh những xứ sở đã đi qua.

Khi cụ tới Quảng Trị, chỗ gọi là Liên Hồ (Hồ Sen), cách độ một ngày thì tới Huế, cụ làm một bài thơ gọi là *Đề từ Quyển Kiều, Đoạn trường tân thanh* đấy. “Giai nhân bất thị đáo Tiên Đường!” Do đấy thì biết rằng cụ có bản Nôm Kiều ở trong tay năm ấy, tôi nhớ đầu đời Gia Long, năm 1805-1806 quãng ấy. Rồi cụ mang đi đường để đọc, từ ngoài Bắc vào Huế (...). Cụ nằm trong cồng đọc quyển Kiều, chắc đến Quảng Trị đọc xong, cụ làm bài thơ Đề từ quyển Kiều ấy. Cho nên mình biết rằng quyển Kiều có trước đời ấy khá lâu, trước khi cụ Nguyễn Du đi sứ về. Những cứ ấy là chứng chắc chắn quyển Kiều làm từ trước.” [6]

Tuy học giả Hoàng Xuân Hãn không nói rõ tập thơ của Phạm Quý Thích mà Cụ nhắc tới là tập nào, và do trả lời phỏng vấn theo trí nhớ nên theo chúng tôi, có thể Cụ có đôi chút nhầm lẫn [7] nhưng đoạn nói chuyện kể trên đã gợi ra một hướng đi quan trọng. Đó là cần tìm hiểu xuất xứ bài thơ “Giai nhân bất thị đáo Tiên Đường ...” (*Thính đoạn trường tân thanh hữu cảm*) vì dựa vào hoàn cảnh cũng như thời điểm sáng tác của bài thơ có khả năng sẽ chứng minh được Nguyễn Du đã sáng tác Truyện Kiều trước khi đi sứ Trung Quốc về.

2.2. Dựa vào việc học giả Vũ Thế Khôi phát hiện bài thơ *Thính đoạn trường tân thanh hữu cảm* trong *Lập Trai Tiên sinh di thi tục tập* (kí hiệu A.2140) và đặc biệt là việc tái phát hiện bài thơ này trong *Lập Trai Phạm tiên sinh thi tập* (kí hiệu A.400, thư viện Viện Hán Nôm), một tập thơ đã được biên soạn ngay khi Phạm Quý Thích còn sống, theo chúng tôi, có thể cho rằng, **bài thơ được sáng tác trong dịp Phạm Quý Thích vào Nam năm 1811** vì:

a) Bộ *Thư mục để yếu* đã nói rõ bản A.400 gồm “66 bài thơ của Phạm Quý Thích làm trong dịp vào Nam: đề vịnh, cảm tác, tặng đáp bạn bè” [8]. Đọc nội dung các bài thơ, chúng tôi cũng thấy, toàn bộ tập thơ là những bài được sắp xếp theo trình tự một cuộc hành trình từ Bắc vào Huế, từ bài 1 (Sơn giao) tả cảnh “xuất đô thành” đến các bài:

Bài 4: Quá Tam Điệp sơn	Bài 5: Quá Sùng sơn từ
Bài 8: An Dương Vương miếu	Bài 10: Quá Hoành sơn
Bài 11: Linh Giang (sông Gianh)	Bài 12: Quá Linh giang
Bài 14: Quá Lí Hoà	
..... [9]	

Bài *Thính đoạn trường tân thanh hữu cảm* là bài thứ 25 trong tập, sau bài *Quá Linh Giang* (bài 12) và hai bài nhắc tới địa danh Lí Hoà ở Quảng Bình (bài 13, 14) nhưng trước bài tả cảnh đi qua Văn Miếu, chúng tôi ngờ là Văn Miếu ở Huế (số 32), và các bài nói đến chuyện tác giả làm thơ xướng hoạ với các quan trong triều (số 38, 39,40). Vậy nếu căn cứ vào trình tự các bài trong tập thơ thì bài *Thính đoạn Trường tân thanh hữu cảm* phải được sáng tác trên đường Phạm Quý Thích vào Huế.

b) Theo *Đại Nam thực lục chính biên*, Phạm Quý Thích chỉ vào Huế một lần vào năm 1811. Năm 1812 thì vua cho phép ông giải chức vì ông bị ốm [10].

2.3. Nếu bài thơ *Thính đoạn trường tân thanh hữu cảm* đã được sáng tác vào năm 1811 thì rõ ràng Truyện Kiều phải được sáng tác trước đó. Cùng với những nguồn tư liệu được công bố gần đây về việc Nguyễn Lương, một người đã có những dòng bình Kiều, mất vào năm 1807 [11]; *Mai đình mộng kí* hoàn thành vào năm 1809, dưới ít nhiều ảnh hưởng của Truyện Kiều [12] ... chúng tôi cho rằng, đã đến lúc cần gạt bỏ giả thuyết Truyện Kiều được sáng tác sau khi Nguyễn Du đi sứ Trung Quốc về (1813-1814) để nghĩ tới một thời điểm sáng tác sớm hơn.

Chú thích

- /1/ Abel Des Michels là người Pháp nên có lẽ ông đọc không chuẩn: Hoa Đàng tức là Hoa Đường, Phàm tức là Phạm.
- /2/ Đào Thái Tôn, *Văn bản Truyện Kiều- Nghiên cứu và thảo luận*, sở Văn hoá Thông tin Hà Tĩnh, 2003, tr 35.
Nghiên cứu Văn bản Truyện Kiều, bản Liễu Văn Đường 1871, nxb Khoa học Xã hội, 2006, tr 633.
- /3/ *Di sản Hán Nôm Việt Nam - Thư mục đề yếu* (Trần Nghĩa và Francois Gros đồng chủ biên, nxb KHXH, 1993, tập II, trang 124.
- /4/ *Di sản Hán Nôm Việt Nam - Thư mục đề yếu*, sdd, tr 122.
- /5/ *Văn bản Truyện Kiều- Nghiên cứu và thảo luận*, sdd, tr 31.
- /6/ *La Sơn Yên Hồ Hoàng Xuân Hãn*, nxb Giáo dục, 1998, tập I, tr 444-445.
- /7/ Có một số chỗ, chúng tôi cho rằng có thể Cụ nhớ nhầm như: năm Phạm Quý Thích vào Huế là năm 1811-1812 chứ không phải 1805-1806 ; tên bài thơ không phải là *Đề từ Quyển Kiều, Đoạn trường tân thanh*.
- /8/ *Di sản Hán Nôm Việt Nam- Thư mục đề yếu*, sdd, tập II, tr 122.
- /9/ Đề tiện cho việc miêu tả, chúng tôi tự đánh số các bài thơ theo thứ tự trình bày trong tập *Lập Trai Phạm tiên sinh thi tập* (kí hiệu A.400, thư viện Viện Hán Nôm).
Tam Điệp, Sùng Sơn là các địa danh ở Thanh Hoá, miếu An Dương Vương là một địa danh có ở Nghệ An, Hoành Sơn là ngọn núi phân giới Hà Tĩnh và Quảng Bình ngày nay, Linh Giang và Lí Hoà là các địa danh ở Quảng Bình. Địa danh Liên Hồ (hồ sen) mà học giả Hoàng Xuân Hãn nhắc tới, chúng tôi hiện chưa tìm được trong tập thơ. Nhưng trong hai bài thơ liền ngay sau bài *Thính đoạn trường tân thanh hữu cảm*, bài 26 và 28 (hai bài này trong tập A.2140 được chép liền nhau) có nhắc tới cảnh hồ nước với các hình ảnh: “xuân thủy lục”, “ngư ông” (bài 26) và cảnh ngắm hoa sen (bài 28: *quan hà hữu cảm*). Có thể đây chính là những cảnh có liên quan đến địa danh Liên Hồ mà học giả Hoàng Xuân Hãn nhắc tới?
- /10/ *Đại Nam thực lục chính biên*, Đế nhị kỷ, Quyển XLV. Bản dịch Viện Sử học, H, 1963, Tập IV, trang 165 (dẫn theo *Văn bản Truyện Kiều- Nghiên cứu và thảo luận*, sdd, tr 33).
- /11/ Xin xem bài *Sự đóng góp của bản Liễu Văn Đường trong việc tìm ra niên đại Truyện Kiều*, Nguyễn Tài Căn, Đào Thái Tôn, Tạp chí Hán Nôm số 3/2005, tr 17.
- /12/ Xin xem bài *Hành trình đi sứ của Nguyễn Du và thời điểm sáng tác Truyện Kiều*, Nguyễn Hoàng Sơn, Tạp chí Nhà văn số 3-2002, tr 67-76.